


Phần 1 - Hóa chất và nhận dạng công ty

Tên sản phẩm: Axít clohidric
Tên gọi khác:--
Sử dụng sản phẩm: Axit hóa các giếng dầu (kích hoạt); nồi hơi để loại bỏ bụi bẩn; chất trung gian hóa học; giảm quặng; chế biến thực phẩm (ngô, bột đường, natri glutamate); tẩy và làm sạch kim loại; axit công nghiệp; làm sạch chung, chẳng hạn như nhà máy muối trên phim; rượu biến tính; thử nghiệm ma túy
Tên nhà cung cấp: San Fu Chemical Co., Ltd.
Địa chỉ nhà cung cấp: 340 Hsiao Hsin Li, Quận Shan-Hua, Thành phố Đài Nam, Đài Loan, R.O.C.
Điện thoại của nhà cung cấp: 886-6-5837608 Điện thoại khẩn cấp: 886-6-5837608
Fax.: 886-6-5839498

Phần 2 - Nhận dạng môi nguy hiểm

Phân loại: <ol style="list-style-type: none">1. Độc tính cấp tính Loại 4 (Ăn phải)2. Độc tính cấp tính Loại 3 (Hít vào)3. Kim loại ăn mòn Loại 14. Da ăn mòn / kích ứng Loại 15. Tổn thương mắt nghiêm trọng / Kích ứng mắt Loại 1
Các mối nguy hiểm và hiệu quả quan trọng nhất Thành phần nhãn: Biểu tượng nguy hiểm: Hộp sọ và xương chéo, ăn mòn 
Tiêu ngữ: Nguy hiểm Tuyên bố nguy hiểm: <ol style="list-style-type: none">1. Có hại nếu nuốt phải2. Có hại nếu hít phải3. Có thể ăn mòn kim loại4. Gây bỏng da nghiêm trọng5. Gây tổn thương mắt nghiêm trọng
Tuyên bố phòng ngừa: <ol style="list-style-type: none">1. Không hít phải hơi, sương mù hoặc thuốc xịt chất này2. Nếu bị dính vào mắt, rửa mắt với thật nhiều nước và tìm kiếm sự chăm sóc y tế.3. Đeo khẩu trang và kính bảo hộ4. Sử dụng với thông gió đầy đủ
Những người khác nguy hiểm:--

Phần 3 - Thành phần / Thông tin về thành phần

Chất tinh khiết:

Tên hóa học : Axit clohidric
Từ đồng nghĩa: Axit clohydric \ Dung dịch axit clohydric \ Hydrogen chloride \ Nước hydrogen chloride \ Axit muriatic \ muối tinh
Số CAS: 7647-01-0
Thành phần góp phần gây nguy hiểm (%): 24%~37%

Phần 4 - Các biện pháp sơ cứu

<p>Thông tin sơ cứu:</p> <p>Hít phải:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Loại bỏ hoặc làm sạch chất và di chuyển bệnh nhân đến khu vực thông gió 2. Nếu bệnh nhân không thể thở, cung cấp CPR; nếu khó thở, hãy cung cấp oxy. 3. Giữ ấm cho nạn nhân và nghỉ ngơi. 4. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế ngay lập tức <p>Tiếp xúc với da:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tránh tiếp xúc trực tiếp với chất này. Nếu cần thiết, đeo găng tay. 2. Ngay lập tức rửa vùng da với nhiều nước trong ít nhất 20 - 30 phút. 3. Trong khi giặt, loại bỏ quần áo bị ô nhiễm, giày dép và hàng thủ công da. 4. Làm sạch triệt để quần áo và giày bị ô nhiễm trước khi tái sử dụng. 5. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế ngay lập tức. <p>Dính vào mắt:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ngay lập tức rửa mắt với nhiều nước trong ít nhất 20 - 30 phút, thỉnh thoảng nâng mí mắt lên. 2. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế ngay lập tức <p>Nuốt phải:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nếu bệnh nhân sặc mất ý thức hoặc đã mất ý thức hoặc co giật, không cho bất cứ thứ gì vào miệng. 2. Để bệnh nhân súc miệng kỹ bằng nước. 3. Không gây nôn mửa. 4. Hãy để bệnh nhân uống 240 – 300 ml nước. Nếu có sữa, hãy uống sau khi uống nước. 5. Nếu bệnh nhân có nôn mửa tự phát, nghiêng cơ thể để tránh ăn phải chất nôn. Súc miệng nhiều lần. 6. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế ngay lập tức.
Các triệu chứng quan trọng nhất và tác dụng nguy hiểm: Ăn mòn cao và có thể gây phù phổi gây tử vong, gây bỏng hoặc thậm chí mù lòa
<p>Bảo vệ người sơ cứu:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhân viên không có bộ đồ bảo hộ hóa chất toàn thân và khẩu trang không được vào khu vực thảm họa để chở người bị thương 2. Đeo thiết bị hạng C để sơ cứu trong khu vực an toàn.
<p>Ghi chú cho bác sĩ:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bệnh nhân, người hít phải chất này, nên xem xét cho oxy. 2. Tránh rửa dạ dày hoặc gây nôn

Phần 5 - Các biện pháp chữa cháy

Phương tiện dập lửa: Đây là vật liệu không cháy, chọn tác nhân dập lửa thích hợp theo môi trường xung quanh.
--

Các mối nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy: nếu tiếp xúc với kim loại có thể tạo ra hydro.

Quy trình chữa cháy cụ thể:

1. Phun sương để làm mát các thùng chứa tiếp xúc với lửa để tránh cháy nổ. Nó sẽ làm giảm hoặc tiêu tan hơi / hơi nước.
2. Nếu có rò rỉ, không phun sương nước trực tiếp vào nguồn rò rỉ, nhân viên được đào tạo có thể trung hòa rò rỉ.

Bảo vệ cụ thể của nhân viên cứu hỏa:

Đề mặc bộ đồ bảo hộ hóa học toàn thân và thiết bị thở không khí (nếu cần thiết, cộng với áo khoác nhôm tráng lửa chống Xe mic)

Phần 6 - Các biện pháp phòng thích do tai nạn

Biện pháp phòng ngừa cá nhân:

1. Cô lập khu vực nguy hiểm; giữ nhân viên không cần thiết và không được bảo vệ từ nhập cho đến khi khu vực bị rò rỉ là hoàn toàn làm sạch và khử trùng.
2. Đảm bảo chỉ có nhân viên được đào tạo phụ trách công việc dọn dẹp.
3. Đeo thiết bị bảo hộ cá nhân thích hợp.

Biện pháp phòng ngừa môi trường:

1. Thông gió cho khu vực rò rỉ.
2. Loại bỏ tất cả nguồn đánh lửa
3. Thông báo cho đơn vị an toàn và bảo vệ môi trường của chính phủ.

Phương pháp làm sạch:

1. Không chạm vào chất bị rò rỉ.
2. Tránh chất bị rò rỉ vào hệ thống thoát nước, thoát nước và khu vực hạn chế.
3. Trong điều kiện an toàn, hãy thử ngăn ngừa hoặc giảm rò rỉ.
4. Sử dụng cát, đất hoặc tác nhân khác không phản ứng với vật liệu để chứa rò rỉ
5. Trần nhỏ: hấp thụ với bất cứ điều gì đó là không phản ứng với chất. Chất hấp thụ bị ô nhiễm và chất bị rò rỉ là cùng một có hại. Đặt chúng trong thùng chứa được niêm phong và dán nhãn đúng cách. Sử dụng nước để xả và làm sạch khu vực bị rò rỉ. Rò rỉ nhỏ có thể được trung hòa hoặc pha loãng với một lượng lớn nước.
6. Trần lớn: Liên hệ với sở cứu hỏa, đơn vị khẩn cấp và nhà cung cấp để được giúp đỡ.
7. Sử dụng nước để rửa sạch khu vực. Không cho phép nước vào các thùng chứa.

Rò rỉ lớn có thể cần phải phun sương nước để ngăn chặn / ngăn chặn hơi nước / hơi nước.

Phần 7 - Xử lý và lưu trữ

Xử lý:

1. Cần kiểm soát dự án và thiết bị bảo hộ, nhân viên cần được đào tạo và biết được sự nguy hiểm của chất và phương pháp sử dụng an toàn.
2. Nhân viên không có đồ bảo hộ nên tránh tiếp xúc với chất và thiết bị bị ô nhiễm.
3. Báo cáo ngay cho ban quản lý nếu có rò rỉ hoặc thông gió không đầy đủ.
4. Tránh hình thành các giọt / hơi vào không khí của khu vực kiểm soát.
5. Sử dụng số lượng tối thiểu của chất trong quá trình hoạt động và ở lại càng nhiều càng tốt từ khu vực lưu trữ.
6. Hoạt động với một lượng lớn các hóa chất nên được trong một khu vực bảo đảm và hạn chế.
7. Ngăn ngừa tiếp xúc với nước.
8. Không sử dụng với các chất không tương thích.

9. Không trả lại chất bị ô nhiễm trở lại thùng chứa.
10. Khi trộn với nước thêm chất lỏng ăn mòn vào nước, không thêm nước vào chất lỏng ăn mòn. Liên tục thêm nước lạnh trong khi khuấy để ngăn chặn sản xuất nhiệt quá mức.
11. Kiểm tra trước khi hoạt động nếu container có rò rỉ.
12. Nên có thùng chứa bảo vệ thứ hai trong khi di chuyển hóa chất.
13. Dán nhãn container. Bảo vệ và che thùng chứa khi không sử dụng để tránh hư hỏng.
14. Sử dụng thiết bị chuyển giao chống ăn mòn, sử dụng hộp đựng trọng lượng nhẹ và một lượng nhỏ hóa chất càng nhiều càng tốt cho mỗi thùng chứa.
15. Không sử dụng không khí hoặc khí trơ để gây áp lực chất lỏng ra khỏi thùng chứa.
16. Container rỗng có thể vẫn còn có chất độc hại.
17. Xả của container nên làm theo đề nghị của nhà sản xuất hóa chất / nhà cung cấp. Nếu thùng chứa lưu trữ công kênh, hãy liên hệ với nhà sản xuất / nhà cung cấp ngay lập tức để được tư vấn và tìm kiếm thủ tục thích hợp để đối phó với thùng chứa.
18. Hoạt động trong vùng lân cận nên có lợi cho một đám cháy, tràn và các thiết bị khẩn cấp khác để đối phó với °

Lưu trữ:

1. Bảo quản ở nơi thoáng mát, khô ráo và thông thoáng. Tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời và các nguồn nhiệt khác
2. Một lượng nhỏ dung lượng lưu trữ càng nhiều càng tốt. Tránh lưu trữ khối lượng lớn hóa chất.
3. Kiểm tra tất cả các thùng chứa mới; kiểm tra xem có dán nhãn đúng cách không và nếu bị hư hỏng.
4. Được lưu trữ trong các thùng chứa có nhãn gốc hoặc nhà sản xuất / nhà cung cấp các thùng chứa lưu trữ được đề nghị
5. Đánh dấu để tránh thiệt hại và nơi có thể nhìn thấy, khi không sử dụng để giữ cho thùng chứa đóng cửa.
6. Thùng chứa nên ở độ cao thích hợp để hoạt động dễ dàng hơn.
7. Duy trì nhà sản xuất hóa chất/ nhà cung cấp nhiệt độ lưu trữ được đề nghị.
8. Thùng chứa rỗng nên được tách ra khỏi khu vực lưu trữ.
9. Thùng chứa rỗng vẫn có thể có chất độc hại, giữ kín.
10. Định kỳ kiểm tra khu vực lưu trữ hoặc cho dù sự ăn mòn hoặc rò rỉ.
11. Khu vực lưu trữ nên được dán nhãn đúng cách, không có trở ngại và chỉ cho phép những người được chỉ định hoặc được đào tạo để nhập °
12. Khu vực hoạt động riêng biệt với khu vực lưu trữ.
13. Đăng các dấu hiệu cảnh báo một cách thích hợp.
14. Sử dụng vật liệu tương thích làm tấm để lưu trữ các chất bị rò rỉ.
15. Phải có đại lý rò rỉ thu hút.
16. Hệ thống lối vào phải là ngưỡng, công dốc hoặc xây dựng, hoặc vào ngăn chặn đến một nơi an toàn.
17. Sàn không thấm nước để ngăn chặn sự tự hấp thụ.
19. Thải bỏ thùng chứa nên làm theo đề nghị của nhà sản xuất hóa chất / nhà cung cấp. Nếu thùng chứa lưu trữ công kênh, hãy liên hệ với nhà sản xuất / nhà cung cấp ngay lập tức để được tư vấn và tìm kiếm thủ tục thích hợp để đối phó với container.
20. Tường khu vực lưu trữ, sàn nhà, giàn giáo và các phụ kiện nên được sử dụng vật liệu chống ăn mòn axit sulfuric.

21. Thiết bị lưu trữ phải được làm bằng vật liệu chống cháy.
22. Khu vực lưu trữ phải có thiết bị chữa cháy và làm sạch tràn
23. Bể chứa nên được trên mặt đất, phần dưới cùng nên được niêm phong để ngăn chặn rò rỉ.

Phần 8 - Kiểm soát phơi sáng và bảo vệ cá nhân

Các biện pháp kỹ thuật: Nơi làm việc trong nhà nên thiết lập hệ thống thông gió.			
Tham số điều khiển			
TWA (TWA)	Khách sạn STEL	Trần	Tiêu chuẩn sinh học
--	--	5 trang/phút	--
<p>Thiết bị bảo hộ cá nhân:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lựa chọn thiết bị bảo hộ phù hợp với môi trường làm việc và nồng độ của các chất độc hại. 2. Có được bằng chống hóa chất từ nhà cung cấp. <p>Bảo vệ hô hấp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. 50ppm dưới đây: Sử dụng thiết bị thở với hộp mực lọc hóa chất miễn phí Hcl, làm sạch không khí được hỗ trợ, tự chứa và phong cách di động. 2. Không rõ nồng độ: Xách tay với thiết bị thở chế độ áp suất dương, đầy đủ phần khép kín với chế độ áp suất dương thiết bị thở được hỗ trợ. 3. Thoát: Mặt nạ với hộp mực khí Anti-Acid, thoát khỏi thiết bị thở di động. <p>Bảo vệ tay: Găng tay không thấm nước làm bằng cao su Butyl, cao su, Viton \ CPF3 \ Saranex \ Barricade \ Responder tốt hơn.</p> <p>Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ an toàn hóa chất kín khí, lá chắn mặt đầy đủ.</p> <p>(n) Bảo vệ da và cothê: Tổng thể và khởi động được thực hiện bởi các vật liệu được đề cập ở trên.</p>			
<p>Các biện pháp vệ sinh:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phát triển thói quen tốt; ăn uống bị nghiêm cấm tại nơi làm việc, sau khi hoạt động nên rửa tay. 2. Cởi vải làm việc bị ô nhiễm ngay sau khi công việc được thực hiện, rửa trước khi mặc hoặc xử lý, và nên thông báo cho nhân viên giặt ủi về tác nhân nguy hiểm. 3. Cấm hút thuốc, ăn uống trong khu vực làm việc. 4. Sau khi giao dịch với chất, nên rửa tay hoàn toàn. 5. Duy trì sự sạch sẽ trong khu vực làm việc. 			

Phần 9 - Tính chất vật lý và hóa học

Dạng: chất lỏng khối trong suốt hoặc vàng nhạt; ẩm ướt dễ dàng	Mùi: mùi ngột thở dễ cáu kính
Ngưỡng khướu giác: 1-5ppm (thảm tử)	Điểm nóng chảy: -35 ° C
Giá trị pH: < 1 ở 20 ° C	Điểm sôi/ dải sôi: 108,6 ° C
Tính dễ cháy: --	Điểm chớp cháy : không
Nhiệt độ phân hủy:--	Phương pháp kiểm tra (cốc mờ):--
Nhiệt độ đánh lửa tự động:--	Tính chất vụ nổ:--
Áp suất hơi: 100 mmHg@20°C	Mật độ hơi: 1.268 (không khí = 1)

Mật độ: 1,18 (H ₂ O=1)	Độ hòa tan: hòa tan hoàn toàn trong nước.
đăng nhập Kow:--	Tỷ lệ bay hơi:--

Phần 10 - Dữ liệu ổn định và hoạt động trở lại

Ổn định: ổn định trong điều kiện bình thường.
Các phản ứng nguy hiểm có thể xảy ra trong các điều kiện cụ thể: 1. Tránh nhiệt độ cao (trên 150 °C), để tránh tạo ra hydro và Clo. 2. Không có trùng hợp của chính nó. Nhưng nếu tiếp xúc với các không tương thích (như epoxide) có thể trường hợp trùng hợp. 3. Kim loại: có thể phản ứng và tạo ra hydro dễ cháy. 4. Kiềm (như Natri hydroxit, Amin): gây ra phản ứng dữ dội và tạo ra nhiệt và áp suất. 5. Aldehyde, epoxide: Có thể gây ra trùng hợp bạo lực và tạo ra nhiệt và áp suất. 6. Reductant: phản ứng và giải phóng nhiệt. Nguyên nhân vụ cháy và giải phóng hydro dễ cháy. 7. Chất oxy hóa: có thể có phản ứng. Tạo ra nhiệt và khí clo ăn mòn và độc hại. 8. Nổ: tạo ra nhiệt và gây nổ. 9. Hợp chất acetylene, bromua, cacbua, silicide: có thể phản ứng và tạo ra các khí dễ cháy (như Acetylene). 10. Xyanua, sunfua: phản ứng và tạo ra các khí độc (hydride xyanua hoặc Hydrogen sulfide). 11. Phosphide: có thể phản ứng và giải phóng Phosphine độc hại và dễ cháy.
Điều kiện cần tránh: Tránh nhiệt độ cao (trên 150 °C)
Vật liệu cần tránh: Kim loại, kiềm (như Natri hydroxit, Amin), aldehyde, epoxide, reductant, chất oxy hóa, chất nổ, hợp chất axetylen, bromua, cacbua, Silicides, Xyanua, sulfide, phosphide.
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:--

Phần 11 - Thông tin độc tính

Đường tiếp xúc: da, hít phải, nuốt phải, mắt
Các triệu chứng: Kích thích, nghẹt thở, ho, bông, loét, phù phổi, viêm da, mù lòa, thay đổi màu sắc trong răng, và viêm phế quản mãn tính
Độc tính ngay lập tức: 1. Da: Gây kích ứng nghiêm trọng, viêm, đau, chấn thương ăn mòn và sẹo vĩnh viễn và thậm chí tử vong. 2. Hít phải: 2.1 Cục kỳ ăn mòn. 2.2 Dưới 50 ~ 100ppm và hơi PH ₃ hoặc giọt gây kích ứng nghiêm trọng mũi, đau họng, ho và khó thở. Tiếp xúc ngoài giờ gây bông và loét ở mũi và cổ họng. 2.3 Dưới 1000 ~ 2000ppm trong vài phút gây phù phổi tử vong. Các triệu chứng (như khó thở) có thể xuất hiện vài giờ sau đó. 3. Mắt: 3.1 Hơi hoặc giọt nồng độ thấp gây đỏ mắt ngay lập tức. 3.2 Bắn tung tóe hoặc tiếp xúc với hơi hoặc giọt đậm đặc cao gây kích ứng nghiêm trọng, bông và thậm chí mù lòa. 4. Nuốt phải: 4.1 Ăn mòn trong chấn thương, cổ họng, thực quản và dạ dày. Các triệu chứng bao gồm Khó nuốt, buồn nôn, nôn, tiêu chảy và thậm chí sục đổ và tử vong. 4.2 Có thể gây thương tích nặng và tử vong nếu hít phải.

<p>LD₅₀: 900 mg/kg (chuột, uống) LC₅₀: 3124 ppm/1H (chuột, hít vào) ; 5mg/30S (thỏ, mắt): gây kích ứng nhẹ</p>
<p>Hiệu ứng cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nồng độ thấp của hóa chất gây ra răng thành màu nâu. Viêm da, đau và viêm da. Và có thể gây chảy máu mũi và lợi hoặc viêm phế quản mãn tính và viêm dạ dày. 2. Tiếp xúc ở nồng độ cao có thể gây mòn răng 3. 450mg/m³/1H (mang thai 1 ngày gặm nhấm, hít phải) Gây ngộ độc phôi thai và phát triển bất thường. 4. IARC được xếp hạng là Nhóm3: không thể xác định nếu đó là tiềm năng gây ung thư ở người

Phần 12 - Thông tin sinh thái

<p>Độc tính sinh thái:</p> <p>LC₅₀ (cá):0.282mg/l/96H EC₅₀ (Động vật không xương sống thủy sinh):-- Yếu tố tập trung sinh học (BCF):--</p>
<p>Kiên trì và suy thoái: --</p> <p>Bán thời gian (Không khí):-- Bán thời gian (Mặt nước):-- Bán thời gian (Nước ngầm):-- Bán thời gian (Đất):--</p>
<p>Tiềm năng tích lũy sinh học : Không tích lũy trong cơ thể.</p>
<p>Tính di động trong đất: Sẽ ngấm vào đất và hòa tan các vật liệu trong đất. Đặc biệt là chất gốc cacbonat. Trong một số trường hợp, nó sẽ được vô hiệu hóa.</p>
<p>Tác dụng phụ khác:--</p>

Phần 13 - Cân nhắc xử lý

<p>Phương pháp xử lý:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thực hiện theo việc xử lý các điều kiện lưu trữ cho các sản phẩm chất thải. 2. Xem xét chôn lấp các sản phẩm chất thải trung hòa. 3. Trần nhò: có thể thêm các chất gây ô nhiễm vào trong nước một cách cẩn thận. Sử dụng natri cacbonat hoặc canxi cacbonat để trung hòa từ từ. Hãy cẩn thận với nhiệt tạo ra và hơi trong thủ tục.

Phần 14 - Thông tin vận chuyển SDS

Số phân loại của Liên Hợp Quốc :1789
Tên vận chuyển D.O.T thích hợp: Axit clohydric
Lớp nguy hiểm: Chất ăn mòn Loại 8
Nhóm đóng gói: II.
Ô nhiễm biển: không có
Các biện pháp và điều kiện vận chuyển phòng ngừa cụ thể:-

Mục 15 - Thông tin quy định

<p>Quy định:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quy tắc thực thi của Đạo luật An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp

2. Quy định ghi nhãn và truyền thông nguy hiểm của vật liệu nguy hiểm và có hại
3. Tiêu chuẩn giới hạn phơi nhiễm cho phép của các chất độc hại trong không khí tại nơi làm việc
4. Tiêu chuẩn phòng ngừa nguy hiểm chất hóa học cụ thể
5. Quy định về an toàn giao thông đường bộ
6. Quy định về lưu trữ và xử lý chất thải công nghiệp và tiêu chuẩn cơ sở vật chất

Phần 16 - Thông tin khác

Tài liệu tham khảo văn học	<ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ sở dữ liệu CHEMINFO, đĩa CCINFO, 2005-3 2. Cơ sở dữ liệu HAZARDTEXT, Đĩa TOMES PLUS, Vol.65, 2005 3. Cơ sở dữ liệu RTECS, Đĩa TOMES PLUS, Vol.65, 2005 4. Cơ sở dữ liệu HSDB, đĩa TOMES PLUS, Vol.65, 2005 5. Hóa chất nguy hiểm Cơ sở dữ liệu Trung Quốc, Cục Bảo vệ môi trường 6. Cơ sở dữ liệu ChemWatch, 2005-1 	
Chuẩn bị bởi	Nhà cung cấp: Công ty TNHH Hóa chất San Fu	
	Địa chỉ nhà: 340 Hsiao Hsin Li, Shan Hua District, Thành phố Đài Nam, Đài Loan, R.O.C.	
	ĐIỆN THOẠI: 886-6-5837608 FAX: 886-6-5839498	
	Tên: Edward Zhuang	
Ngày phát hành	Ngày 15 tháng 1 năm 2015	Sửa đổi : 4
Ngày sửa đổi lại	Ngày 14 tháng 1 năm 2018	
Nhận xét	Biểu tượng Giải thích: "--" Không có thông tin nào có sẵn tại thời điểm này. "/" Không áp dụng cho chất này.	
n (n) Thông tin trên đã tham khảo ý kiến các giấy tờ trong nước hoặc quốc tế và nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp cung cấp thông tin. Các thông tin trên được cho là chính xác nhưng không có mục đích để được bao gồm tất cả và sẽ được sử dụng chỉ như là một hướng dẫn. Người dùng nên tự quyết định sự phù hợp của thông tin cho các mục đích cụ thể của họ.		